

Số: /KH-UBND

Thượng Ninh, ngày tháng 3 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024

I. ĐÁNH HIỆN TRẠNG THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI ĐẾN HẾT NĂM 2023.

Thượng Ninh là xã Miền núi của huyện Như Xuân cách trung tâm huyện gần 8 km, có đường Hồ Chí Minh và đường 514 đi qua, tổng diện tích tự nhiên là 5072,53ha, trong đó đất nông nghiệp là 1362,11ha, đất lâm nghiệp là 3315,30ha, đất phi nông nghiệp 366,36ha (bao gồm đất ở, đất chuyên dùng, đất nghĩa địa.....), đất chưa sử dụng 28,36 ha; dân số 6.847 nhân khẩu/1.679 hộ, xã được chia thành 11 thôn; có 4 dân tộc Thái, Thổ, Mường, Kinh cùng sinh sống. Trong những năm vừa qua mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như thời tiết, dịch bệnh, giá cả các loại nông sản không ổn định và có nhiều diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng đến tư tưởng cũng như đời sống của nhân dân. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ, Nghị quyết của HĐND xã, sự nỗ lực đoàn kết cố gắng của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong toàn xã. Nên kinh tế trung bình năm 2023 tiếp tục tăng trưởng khá, đời sống của nhân dân từng bước được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 173 hộ= 10,3%, an sinh xã hội được quan tâm, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

- *Chương trình xây dựng nông thôn mới:* Tập trung chỉ đạo các thôn tập trung nguồn lực hoàn thành các tiêu chí Nông thôn mới theo chỉ tiêu giao của xã. Cùng với nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước, các thôn vận động nhân dân hiến đất, đóng góp ngày công lao động làm được 3,9km đường giao thông tại thôn Đồng Minh đi Đông Xuân và Đồng Chành đi Đồng Tâm và các tuyến đường nội thôn Đồng Tâm, Đồng Minh, Đồng Chành; 3km đường điện chiếu sáng tại thôn Đồng Thanh, Đông Xuân và thôn Đức Thắng; sửa chữa 2 nhà văn hóa thôn thôn Đồng Thanh, thôn Đồng Minh; sửa chữa, nâng cấp hoặc xây mới được 63 ngôi nhà; các thôn duy trì và triển khai thực hiện tốt, như: Đồng Tâm, Đông Xuân, Đức Thắng, Đồng Thanh, Xuân Thượng...

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2024.

1. Mục tiêu

Năm 2024 xã phấn đấu thực hiện đạt tiêu chí số 2 về Giao thông; tiêu chí số 11 về hộ nghèo đa chiều và tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm; đồng thời củng cố, giữ vững các tiêu chí đã đạt được và đề nghị công nhận xã Nông thôn mới năm 2024.

(Có biểu kế hoạch kèm theo).

- Xây dựng 4 thôn NTM (Đồng Minh, Đồng Chành, Đồng Tâm, Đông Xuân), hoàn thành 14/14 tiêu chí đề nghị công nhận thôn NTM và 1 thôn NTM kiểu mẫu (Xuân Thượng)

- Các thôn còn lại mỗi thôn phấn đấu thực hiện đạt từ 1 tiêu chí trở lên; đồng thời thực hiện từng bước các tiêu chí còn lại và củng cố các tiêu chí đã đạt.

(Có biểu kế hoạch chi tiết kèm theo)

2. Nội dung cụ thể

2.1. Thực hiện tiêu chí quy hoạch và thực hiện quy hoạch:

Rà soát quy hoạch chung xã giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng đảm bảo thống nhất, phù hợp nhất là quy hoạch mạng lưới giao thông, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cho các dự án đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh để tổ chức thực hiện.

2.2. Thực hiện tiêu chí giao thông

- Đối với đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện tổng chiều dài 14,5km: tuyến Khe Khoai (đường 514) đi xã Phượng Nghi, huyện Như Thanh dài 7,5km; tuyến Đồng Tâm (đường Hồ Chí Minh) đi xã Tân Thành, huyện Thường Xuân 3km; tuyến Đồng Hà (ngã ba thôn) đi Cát Tân 2,5km; Xuân Thượng (đường Hồ Chí Minh) đi xã Tân Thành, huyện Thường Xuân 1km.

- Đối với đường trục thôn, liên thôn tổng chiều dài 3,8km: Thực hiện các tuyến từ thôn Xuân Thượng (nhà Văn hóa thôn) đi thôn Đồng Tâm (đường Hồ Chí Minh), tổng chiều dài 1,5km; tuyến thôn Tiến Thành đi thôn Xuân Thượng 1,3km; tuyến sân vận động xã 1,0km.

- Đối với đường ngõ xóm, nội thôn tổng chiều dài 2,5km: Thực hiện các tuyến thôn Tiến Thành dài (0,53km), thôn Đông Xuân (1,34km), thôn Đồng Tâm dài (0,63km)

- Đối với đường nội đồng: Thực hiện các tuyến Đồng Chành, tổng chiều dài 1,0km.

2.3. Thủy lợi và phòng chống thiên tai

- Sửa chữa, nâng cấp các tuyến mương đất, bê tông đã xuống cấp.

- Tu sửa, kiên cố hóa 1km kênh mương, gồm các tuyến: Tiến Thành (Lèn mát)

2.4. Điện

- Rà soát hiện trạng đề nghị ngành điện sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường điện 04kv tại các thôn Đồng Ngán, Khe Khoai, Xuân Thượng, Tiến Thành. Đầu nối đường dây 35kv Tiến Thành – Tân Thành Thường Xuân. Nâng cấp các tuyến đường dây sau công tơ đảm bảo an toàn.

2.5. Trường học

- Đầu tư xây mới 6 phòng học Trường TH (khu chính 4 phòng, khu lẻ Khe Khoai 2 phòng); bếp ăn, cổng, tường rào trường Mầm Non; hệ thống PCCC trường THCS.

- Xây dựng các công trình giáo dục khác: tường rào, sân cho các khu lẻ trường TH

2.6. Cơ sở vật chất văn hóa

- Đối với nhà văn hóa, khu thể thao xã: đầu tư xây dựng sân vận động của xã.

- Xây dựng nhà văn hóa, khu thể thao các thôn Khe Khoai, Tiến Thành.

2.7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

- Củng cố, nâng cấp các hạng mục chợ đã xuống cấp hoặc chưa được đầu tư xây dựng đạt chuẩn theo quy định.

2. 8. Thông tin truyền thông

- Phối hợp với các nhà mạng kéo đường dây cáp quang đến tất cả các thôn trên địa bàn để phủ sóng mạng Internet đến toàn bộ 11 thôn trong xã.

2.9. Nhà ở dân cư

- Trong năm xóa 9 nhà tạm, dột nát.
- Trong năm phấn đấu nâng tổng số nhà kiên cố lên 1670 nhà, chiếm 99,46% (85%).

(Cụ thể các thôn theo biểu chi tiết kèm theo).

2.10. Thu nhập

- Phấn đấu nâng cao thu nhập bình quân đầu người lên 53 triệu đồng/người/năm.

2.11. Hộ nghèo đa chiều

- Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo 108 hộ, tương đương 6,5%. (**≥ 6,5%**)

2. 12. Lao động

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 76,97% (**≥75%**); tổng số lao động, trong đó, có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31,97% (**≥25%**).

2. 13. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:

- Trong năm phấn đấu thành lập 1 hợp tác xã.
- Được công nhận 1 sản phẩm OCOP 3 sao (tre, luồng)

2.14. Giáo dục và đào tạo

- Phổ cập giáo dục: Mầm Non, Tiểu Học, THCS được giữ vững
- Tỷ lệ học sinh học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề đạt 95%.

2.15. Y tế

- Xã đạt chuẩn quốc gia về y tế: giữ vững danh hiệu
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 91,73%. (**90%**)
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 16,51%. (**22%**)

2.16. Văn hóa

Trong năm công nhận thêm, công nhận lại 2 làng văn hóa (thôn Đức Thắng, Khe Khoai), nâng tổng số làng văn hóa lên 11 thôn, đạt 100% (**≥75%**).

2.17. Môi trường và an toàn thực phẩm

- Tỷ lệ hộ đượng sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 52,1% (**≥45%; trong đó, ≥20% từ hệ thống cấp nước tập trung**)

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường không có cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường đạt 100%.

- Xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.

- Mai táng phù hợp với quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng và đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định của Bộ Y tế; Việc mai táng được thực hiện tại vị trí xác định theo quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt.

- Chất thải rắn sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn; nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định về bảo vệ môi trường đạt 81,8%.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo quy định đạt 94,5% trở lên (**≥85%**).

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 85,95% trở lên (**≥70%**).

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%; (**100%**).

- Tỷ lệ phân loại chất rắn tại nguồn 30,46% (**≥30%**).

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định 52,1% (**≥50%**).

(Có biểu kê chi tiết kèm theo)

2.18. Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh

Thường xuyên củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở, tiếp tục cử cán bộ đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ công chức xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện mới.

Thường xuyên củng cố tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân từ xã đến các thôn. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, các đợt vận động thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và cấp trên. Kiểm tra đôn đốc thường xuyên việc chấp hành các nghị quyết của Đảng ủy, HĐND, kế hoạch của UBND đối với các đoàn thể, các thôn nhằm phấn đấu thực hiện tốt các chỉ tiêu kinh tế - xã hội.

2.19. An ninh trật tự xã hội

Củng cố hoạt động tổ ANXH dưới thôn bản, tuần tra thường xuyên nắm bắt tình hình an ninh trật tự tại các thôn, xử lý kịp thời các vụ việc xảy ra trên địa bàn nhằm giữ vững phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc cũng như đảm bảo an ninh nông thôn. Thường xuyên củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo ANTT.

3. Giải pháp thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới.

3.1. Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát, tổ chức thực hiện.

- Tăng cường công tác lãnh đạo chỉ đạo toàn diện, đẩy mạnh việc kiểm tra đôn đốc, hướng dẫn thực hiện. Các thành viên BCĐ, BQL xã thường xuyên về tận thôn để chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các nội dung tiêu chí của Chương trình.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Cấp ủy, chính quyền địa phương. Phát huy vai trò, trách nhiệm của Trưởng thôn, người uy tín, của người dân, sự tham gia cộng đồng trong việc kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện. Phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đơn vị và cá nhân trong việc quản lý, chỉ đạo, triển khai thực hiện.

- Phân công cụ thể cho thành viên BCĐ, BQL xã và các ban, ngành, đoàn thể phụ trách từng tiêu chí phù hợp với lĩnh vực quản lý. Xây dựng kế hoạch tháng, quý, năm để tổ chức thực hiện, phấn đấu hoàn thành các tiêu chí đã đăng ký.

3.2. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tạo phong trào, khí thế phấn đấu xây dựng NTM. Ngoài tuyên truyền bằng các phương tiện thông tin đại chúng, cần tuyên truyền trong các hội, chi hội, các đoàn thể chính trị, làm cho tất cả các thành viên đều hiểu và hăng hái tham gia, tạo được sự đồng thuận, thống nhất của nhân dân với chủ trương, kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương.

- Tuyên truyền, vận động cả hệ thống chính trị - xã hội tích cực tham gia thực hiện tốt hơn nữa chương trình. Tuyên truyền để mọi người đều hiểu Chương trình xây dựng NTM là của dân, do dân, dân biết, dân bàn, dân đóng góp, dân làm và hưởng lợi.

- Phổ biến rộng rãi các mô hình có hiệu quả, cách làm hay. Kịp thời biểu dương và nhân rộng các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến. Phê phán những tư tưởng, nhận thức lệch lạc, trông chờ ỷ lại, góp phần hoàn thành các mục tiêu đề ra.

3.3. Huy động các nguồn lực.

- Tranh thủ tối đa nguồn lực hỗ trợ từ Trung ương theo các nguyên tắc cơ chế hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia.

- Phát huy tối đa nội lực của địa phương và của người dân, huy động nhiều hơn nữa các nguồn lực từ các doanh nghiệp, dự án, con em đi làm ăn xa...chú trọng đóng góp ngày công lao động. Mức đóng góp phải được người dân bàn bạc, thống nhất, xem xét miễn giảm cho các đối tượng ưu tiên và thông qua HĐND-UBND xã.

- Tập trung huy động các nguồn lực cho xây dựng NTM: Để đạt mục tiêu xây dựng NTM giai đoạn 2020-2025, tổng nhu cầu kinh phí cho xây dựng NTM khoảng 150 tỷ đồng, gồm có: Ngân sách Trung ương 100 tỷ đồng (chiếm 66,7%); ngân sách tỉnh, huyện 30 tỷ đồng (chiếm 20%); vốn huy động nhân dân, doanh nghiệp, nhà hảo tâm đóng góp 20 tỷ đồng (chiếm 13,3%).

3.4. Đẩy mạnh công tác phát triển sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn, đào tạo nghề.

- Xây dựng phương án/dự án phát triển sản xuất nông lâm nghiệp theo hướng tăng hiệu quả trên đơn vị diện tích canh tác, nghiên cứu sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, tăng cường đầu tư cơ giới vào sản xuất để nâng cao năng suất và hiệu quả lao động. Đối với các xã điếm, tiếp tục đẩy mạnh tiến độ thực hiện phương án PTSX từ nguồn vốn đầu tư của chương trình đúng mục đích.

- Mở rộng, nâng cao chất lượng đào tạo nghề, tạo được nhiều ngành nghề làm ăn có hiệu quả và thu hút nhiều lao động. Chú trọng giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, hướng nghiệp cho người dân chọn và học đúng nghề theo nhu cầu và vận dụng tốt kiến thức được học vào thực tế sản xuất, giải quyết việc làm, tăng thu nhập...

3.5. Thực hiện các công tác khác.

- Tiếp tục thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, vận động hiến đất, hiến tài sản để đẩy mạnh xây dựng đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, kiên cố hóa kênh mương và xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng khác...

- Tăng cường chỉnh trang khu dân cư, vận động, hướng dẫn người dân tu sửa nhà cửa, công trình phụ, hàng rào...Đẩy mạnh công tác vệ sinh môi trường thôn xóm, xây dựng hệ thống quản lý vệ sinh môi trường tại cơ sở, bảo đảm cảnh quan môi trường nông thôn xanh - sạch - đẹp - văn minh.

- củng cố cơ cấu tổ chức và quy chế hoạt động của BCD, BQL chương trình từ xã đến thôn, phân công trách nhiệm cho từng thành viên theo công việc chuyên môn.

- Tiếp tục tổ chức phát động thi đua chung sức xây dựng NTM giai đoạn 2020 – 2025. Khen thưởng, biểu dương kịp thời các tập thể, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có nhiều đóng góp tích cực cho xây dựng NTM.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã tham mưu Cấp ủy, Chính quyền địa phương chỉ đạo, đánh giá, rà soát các tiêu chí, đề xuất các phương án trong tâm, nhằm thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, phấn đấu sớm đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2024 và chịu trách nhiệm trước TT. UBND xã về lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Ban quản lý: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tham mưu UBND xã tổ chức thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo UBND xã hàng tháng, hàng quý.

3. Địa chính xây dựng: Lập kế hoạch các danh mục hạ tầng cần đầu tư, tham mưu các ngành, các cấp hỗ trợ kinh phí để đầu tư xây dựng; triển khai có hiệu quả các công trình, dự án thi công trên địa bàn.

4. Văn hóa thông tin: Xây dựng kế hoạch và thường xuyên tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, nhất là chủ trương, chính sách xây dựng chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Đăng tin bài trên các nền tảng số.

5. Tài chính - kế toán: Tham mưu bố trí các nguồn kinh phí theo cơ chế huy động vốn, sử dụng vốn đã ban hành bảo đảm đúng quy định. Phối hợp thực hiện các nội dung, tiêu chí khác có liên quan.

6. Các công chức khác có liên quan đến tiêu chí xây dựng NTM căn cứ nhiệm vụ được giao tham mưu đề xuất các giải pháp thuộc lĩnh vực mình phụ trách để triển khai thực hiện.

7. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã theo chức năng, nhiệm vụ tích cực tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện chương trình, kế hoạch xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước; tham gia giám sát việc thực hiện nhiệm vụ ở các cơ sở thôn.

Trên đây là kế hoạch của UBND xã thực hiện Chương trình về huy động nguồn lực tiếp tục đầu tư xây dựng nông thôn mới. UBND xã đề nghị các cơ quan, đơn vị, các ngành liên quan chủ động tổ chức thực hiện, triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ được phân công./.

Nơi nhận:

- VP ĐP NTM huyện (b/c);
- TV Đảng ủy (b/c);
- TT HĐND (b/c);
- UBMTTQVN-các đoàn thể xã (p/h);
- Ban phát triển thôn (t/h);
- Lưu VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Nhân

Biểu số 02:

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NTM NĂM 2024**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND, ngày /02/2024 của UBND xã Thượng Ninh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Kết quả rà soát đến 31/12/2023	Kế hoạch thực hiện năm 2024	Ghi chú
I QUY HOẠCH					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	
II HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI					
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm 100% (Chiều rộng mặt đường $\geq 3,5m$; chiều rộng nền đường $\geq 6,5m$)	61	98,75 (tăng thêm 37,75%= 14,5km)	Dự kiến các công trình thực hiện năm 2024: Đồng Tâm - Tân Thành, Thường Xuân 4,5km; Khe khoai - Phụng Nghi, Như Thanh 7,5km; Đồng Hà - Cát Tân 2,5km
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm 100% (trong đó: $\geq 70\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$)	86,5	100 (tăng thêm 14,9%=3,8 km)	Tiên Thành - Xuân Thượng 1,3km; Đồng Tâm - Xuân Thượng 1,5km;

					Đường sân Vận động 1km
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm 100% (trong đó: $\geq 70\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$)	64,2	71,7 (tăng thêm $7,5\% = 2,5$ km)	Tiến Thành 0,53km; Đồng Tâm 0,63km; Đồng Xuân 1,34km
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm 100% (trong đó: $\geq 60\%$ bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$)	100	100	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên 3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	100	100	
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn 4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn $\geq 98\%$	Đạt	Đạt	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định. Xã có >3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu (trong đó: $\geq 70\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1). Xã có ≤ 3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu (trong đó: $\geq 50\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1)	100	100	Năm 2024: xây dựng 6 phòng học TH; Bếp ăn, công trường rào trường MN; Công trình PCCC THCS
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã - Quy hoạch: Bố trí được quỹ đất tối thiểu $2.500m^2$ đối với xã thuộc huyện đồng bằng và $1.500m^2$ đối với xã thuộc huyện miền núi, ở vị trí trung tâm để xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, đảm bảo mọi người dân trong vùng đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận. Trong đó: + Diện tích đất quy hoạch của Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng tối thiểu đạt $500m^2$ đối với xã thuộc huyện đồng bằng, $300m^2$ đối với xã thuộc huyện miền núi. + Diện tích đất quy hoạch của Khu thể thao xã (chưa tính sân vận động xã) tối thiểu đạt $2.000m^2$ đối với xã thuộc huyện đồng bằng, $1.200m^2$ đối với xã thuộc huyện miền núi.	Có nhà VH	Đạt	2024 khởi công xây dựng sân TT

		- Quy mô chỗ ngồi của Nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng tối thiểu đạt 250 chỗ ngồi đối với xã thuộc huyện đồng bằng, 200 chỗ ngồi đối với xã thuộc huyện miền núi. - Trang thiết bị của Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng và sân thể thao đạt 100% theo quy định.			
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Chưa đạt	Đạt	
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng 100%	100	100	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa - Đối với xã có trong quy hoạch chợ của tỉnh giai đoạn 2021-2025, phải xây dựng chợ đạt chuẩn theo quy định. - Đối với xã không có trong quy hoạch chợ của tỉnh giai đoạn 2021- 2025 hoặc có trong quy hoạch chợ của tỉnh giai đoạn sau năm 2025 và chưa có chợ thì phải có cửa hàng tổng hợp hoặc siêu thị mini đạt chuẩn theo quy định.	Đạt	Đạt	
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt	
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt	
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	Đạt	
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	Đạt	
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát không	Chưa đạt	Đạt	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 85\%$	97,24	99,46	
III KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/ người)	52,5	53	
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	10,3	5,48	Giảm 4,82% = 81 hộ
12	Lao động có việc làm	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 75\%$	73,47	76,97	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 25\%$	28,47	31,97	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Chưa đạt	1	
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Chưa đạt	1	
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt	Đạt	
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Chưa đạt	Đạt	
IV VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt từ 98% trở lên; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; đạt chuẩn	Đạt	Đạt	

		xóa mù chữ mức độ 2; trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại Khá			
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) $\geq 85\%$	94,54	95	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$	89,37	91,73	
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 22\%$	17,18	16,51	
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$	100	100	
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới $\geq 75\%$	81,8	100	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 45\%$ ($\geq 20\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)	49,9	52,4 (20 cấp nước tập trung)	Tiến Thành; Đồng Chanh; Đồng Hà; Đồng Thanh; Đồng Ngân; Đồng Minh
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường $\geq 95\%$	100	100	
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	Đạt	
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 2m^2$ / người	Đạt	Đạt	
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 75\%$	75,02	81,8	
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường 100%	89,8	100	
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch. $\geq 85\%$	83,15	93,7	
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 70\%$	79,24	85,9	
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 100%	100	100	
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 30\%$	21,39	30,5	

		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 50\%$	49,9	52,1	
V	HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên 100%	Đạt	Đạt	
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đạt	Đạt	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả./	Đạt	Đạt	

Biểu 04.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ THÔN MTM TẠI CÁC THÔN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /02/2024 của UBND xã Thượng Ninh)

TT	Tên thôn	TC Lao động	TC Thu nhập	TC Hộ nghèo	TC Nhà ở dân cư và vườn hộ	TC Giao thông	TC Giáo dục và Đào tạo	TC Y tế	TC Văn hóa	TC Môi trường và ATTP	TC Thủy lợi	TC Điện	TC Thông tin truyền thông	TC Hệ thống chính trị	TC Quốc phòng và An ninh	Tổng tiêu chí đạt	BQ đạt của thôn
		TC 1	TC 2	TC 3	TC 4	TC 5	TC 6	TC 7	TC 8	TC 9	TC 10	TC 11	TC 12	TC 13	TC 14		
1	Đức Thắng	Đạt	Đạt	C. đạt	Đạt	Đạt	Đạt	C. đạt	C. đạt	C. đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	C. đạt	10	71,4
2	Đồng Minh	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	C. đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	13	92,8
3	Đồng Thanh	C. đạt	Đạt	C. đạt	Đạt	Đạt	Đạt	C. đạt	Đạt	C. đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	10	71,4
4	Đồng Chành	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	C. đạt	Đạt	C. đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	12	85,7
5	Đồng Hà	C. đạt	Đạt	C. đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	12	85,7
6	Đồng Tâm	Đạt	Đạt	C. đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	13	92,8
7	Xuân Thượng	Đạt	Đạt	C. đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	13	92,8
8	Tiến Thành	C. đạt	Đạt	C. đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	C. đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	11	78,6
9	Đông Xuân	Đạt	Đạt	C. đạt	Đạt	Đạt	Đạt	C. đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	12	85,7
10	Khe Khoai	C. đạt	C. đạt	C. đạt	Đạt	C. đạt	Đạt	C. đạt	C. đạt	C. đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	7	50,0
11	Đồng Ngán	C. đạt	C. đạt	C. đạt	Đạt	C. đạt	Đạt	C. đạt	Đạt	C. đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	8	57,1

109 77,9

Biểu 05:

**DANH SÁCH CÁC THÔN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN THÔN ĐẠT CHUẨN
NTM (SAU KHI THỰC HIỆN SÁT NHẬP THÔN, XÃ)**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /02/2024
của UBND xã Thượng Ninh)

STT	Tên thôn	Năm đạt chuẩn
1	Đức Thắng	2018
2	Đồng Thanh	2019
3	Tiến Thành	2020
4	Đồng Hà	2020
5	Xuân Thượng	2021

Biểu 06.

**ĐĂNG KÝ DANH SÁCH THÔN PHẢN ĐẦU ĐẠT CHUẨN NTM,
NTM KIỂU MẪU NĂM 2024**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /02/2024
của UBND xã Thượng Ninh)

TT	Tên thôn	Số tiêu chí đã đạt	Tên tiêu chí chưa đạt (ghi rõ tên TC)	Thu nhập bình quân đầu người (tr.đ/người) năm 2023	Tỷ lệ hộ nghèo (%) năm 2023
I.	THÔN ĐẠT CHUẨN NTM				
	Đồng Hành	12	TC 7. Y tế; TC 9. Môi trường và ATTP	42	6,08
	Đồng Minh	13	TC 9. Môi trường và ATTP	45	5,11
	Đồng Tâm	13	TC 3. Nghèo đa chiều	48	6,82
	Đồng Xuân	12	TC 3. Nghèo đa chiều; TC 7. Y tế	50	8,42
II.	THÔN NTM KIỂU MẪU				
	Xuân Thượng	13	TC 3. Nghèo đa chiều	46	9,57

